

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. PHẦN CHUNG CHO CẢ HỌC PHẦN

1. Mục tiêu của học phần

- **Mục tiêu về kiến thức:** Giúp cho sinh viên hiểu được một cách có hệ thống những giá trị tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam và sự vận dụng sáng tạo những tư tưởng, lý luận của Người vào thực tiễn cuộc sống, từ đó vận động sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Giúp cho sinh viên có kỹ năng trong học tập, vận dụng lý luận và tư duy trong phân tích, đánh giá tình hình thực tế.

- **Mục tiêu về thái độ:** Giúp cho sinh viên có thái độ, quan điểm, cách nhìn đúng đắn về những quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôn trọng lịch sử, tôn trọng lãnh tụ của dân tộc; tin tưởng và chấp hành những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tin tưởng vào Đảng cộng sản Việt Nam và chế độ XHCN; cảnh giác trước những âm mưu dụ dỗ, lôi kéo, chống phá của các thế lực thù địch.

2. Chuẩn bị

- Giảng viên:

+ **Các phương tiện dạy học chính:** Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ **Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:** Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ **Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:** Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ **Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:** Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

II. PHẦN CHI TIẾT

Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

(Tổng số tiết: 02; Số tiết lý thuyết: 02; Số tiết bài tập, thảo luận: 0)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- **Về kiến thức:** Hiểu được khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp nghiên cứu môn học và ý nghĩa của môn học.

- **Về kỹ năng:** Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- **Về thái độ:** Hiểu được giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tôn trọng lịch sử và tôn trọng lãnh tụ.

b) Chuẩn bị:

- Giảng viên:

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết

N1: Nội dung sinh viên phải biết:

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2011) nêu khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh” như sau: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ

thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.

Khái niệm trên đây chỉ rõ nội hàm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở hình thành cũng như ý nghĩa của tư tưởng đó. Cụ thể:

Một là, đã nêu rõ bản chất khoa học và cách mạng cũng như nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam.

Hai là, đã nêu lên cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác- Lênin - giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng đó; đồng thời tư tưởng Hồ Chí Minh còn bắt nguồn từ việc Hồ Chí Minh tiếp thu các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Ba là, đã nêu lên ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Đối tượng nghiên cứu

Từ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh đã nêu trên, đối tượng nghiên cứu của môn học là:

- Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với hai cuộc cách mạng ở Việt Nam.

- Sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh vào Việt Nam.

- Sự kết tinh tinh hoa văn hoá dân tộc và trí tuệ thời đại của Hồ Chí Minh.

Cả ba nhóm đối tượng đó đều nhằm mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

b) Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng, môn tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu làm rõ:

- Cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm khẳng định sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu để giải đáp các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra;

- Các giai đoạn hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;

- Quá trình quán triệt, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và nhà nước ta;

- Các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

3. Phương pháp nghiên cứu

a. Cơ sở phương pháp luận (phương pháp chung)

Đảm bảo sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học.

Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn

Quan điểm lịch sử - cụ thể

Quan điểm toàn diện và hệ thống

Quan điểm kế thừa, phát triển

Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh.

b. Các phương pháp cụ thể

N2: Nội dung SV nên biết

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác cho sinh viên.

- Thông qua tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ Việt Nam.

- Thông qua học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường thế giới quan cách mạng trên nền tảng CNMLN và TTHCM; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH ở Việt Nam.

- Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, nhờ đó sinh viên xác định đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với quê hương, đất nước, nhân dân.

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

- Hồ Chí Minh là nhà đạo đức học, bản thân Người là một tấm gương đạo đức cách mạng. Học tập TTHCM giúp nâng cao lòng tự hào về Người, về Đảng CSVN, về Tổ Quốc, nguyện “Sống chiến đấu, lao động, rèn luyện và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

- Vận dụng TTHCM vào cuộc sống, có đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

N3: Nội dung SV có thể biết

- Tiểu sử, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

d. Củng cố, tổng kết

- Khái niệm về TTHCM

- Hiểu được về đối tượng, phương pháp nghiên cứu

- Ý nghĩa học tập của môn học

e. Giao nhiệm vụ

Đọc nội dung chương 2

2 tiết lý thuyết

Chương 2 Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
(Tổng số tiết: 7; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết bài tập, thảo luận: 3 tiết)

a) Xác định mục tiêu:

- *Về kiến thức:* Hiểu được cơ sở thực tiễn hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm rõ các giai đoạn, quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Về kỹ năng:* Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- *Về thái độ:* Hiểu được giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tôn trọng lịch sử và tôn trọng lãnh tụ.

b) Chuẩn bị:

- *Giảng viên:*

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- *Sinh viên:*

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn.

a) Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

+ Chính quyền nhà Nguyễn đã thi hành chính sách đối nội, đối ngoại bảo thủ, phản động,.. không mở ra khả năng cho Việt Nam cơ hội tiếp xúc và bắt nhịp với sự phát triển của thế giới. Không phát huy được những thế mạnh của dân tộc và đất nước, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

+ Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) và Hiệp định Patonôt (1884) được ký kết, xã hội Việt Nam trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

+ Cuối thế kỷ XIX, các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới khẩu hiệu “Cần vương” do các văn thân, sỹ phu lãnh đạo cuối cùng cũng thất bại. Hệ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.

+ Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã làm cho xã hội Việt Nam có sự phân hóa giai cấp-xã hội sâu sắc. Tạo tiền đề bên trong cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

+ Đầu thế kỷ XX, các phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp rầm rộ, lan rộng ra cả nước nhưng đều thất bại (Chủ trương cầu viện, dùng vũ trang khôi phục độc lập của Phan Bội Châu; Chủ trương “ỷ Pháp cầu tiến bộ” khai thông dân trí, nâng cao dân trí,.. trên cơ sở đó mà dần dần tính chuyện giải phóng của Phan Chu Trinh; Khởi nghĩa nặng cốt cách phong kiến của Hoàng Hoa Thám; Khởi nghĩa theo khuynh hướng tư sản của Nguyễn Thái Học). Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn đi đến thắng lợi, phải đi theo con đường mới.

Sự xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu, đáp ứng nhu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam.

- Bối cảnh thời đại (quốc tế)

+ CNTB từ cạnh tranh đã chuyển sang độc quyền, xác lập sự thống trị trên phạm vi thế giới. CNDQ là kẻ thù chung của tất cả các dân tộc thuộc địa.

+ Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi (1917). “Thức tỉnh của các dân tộc châu Á”, mở ra thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại.

+ Quốc tế III được thành lập (1919). Phong trào công nhân trong các nước TBCN và phong trào giải phóng của các nước thuộc địa càng có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là CNDQ.

Tất cả các nội dung trên cho thấy, việc xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là nhu cầu tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam, mà còn là tất yếu của cách mạng thế giới.

N2: Nội dung SV nên biết

Bối cảnh lịch sử Việt Nam khi Pháp vào xâm lược

N3: Nội dung SV có thể biết

- Lịch sử Việt Nam cận hiện đại

d. Củng cố, tổng kết

Sinh viên xem lại toàn bộ phần lý thuyết đã được học và ghi chép trong vở về bối cảnh lịch sử hình thành TTHCM

e. Giao nhiệm vụ

Đọc tiếp nội dung chương 2

2 tiết lý thuyết tiếp

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (tiếp)

a) Xác định mục tiêu:

- **Về kiến thức:** Hiểu được cơ sở thực tiễn hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm rõ các giai đoạn, quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Về kỹ năng:** Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- **Về thái độ:** Hiểu được giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tôn trọng lịch sử và tôn trọng lãnh tụ.

b) Chuẩn bị:

- **Giảng viên:**

+ **Các phương tiện dạy học chính:** Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ **Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:** Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- **Sinh viên:**

+ **Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:** Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập*: Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

2. Cơ sở lý luận

a. Giá trị truyền thống của dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết bắt nguồn từ các giá trị truyền thống của dân tộc, là sự kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. Đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước truyền thống mà Bác đã đúc kết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước”¹. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống ấy có các giá trị tiêu biểu:

+ *Yêu nước* là dòng chủ lưu chảy suốt trường kỳ lịch sử Việt Nam. Mọi học thuyết đạo đức, tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam đều được tiếp nhận khúc xạ qua lăng kính của chủ nghĩa yêu nước đó.

Lòng yêu nước là điểm tương đồng lớn nhất của mọi người Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hoá, tinh thần Việt Nam. Kế thừa và phát huy chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Hồ Chí Minh trở thành nhà ái quốc vĩ đại. Người luôn khẳng định truyền thống yêu nước là một thứ vốn quý giá.

+ *Tinh thần nhân nghĩa và truyền thống đoàn kết*, tương thân, tương ái trong khó khăn, hoạn nạn.

+ *Truyền thống lạc quan yêu đời, niềm tin vào chính mình, tin vào sự tất thắng của chân lý và chính nghĩa* dù phải vượt qua muôn ngàn khó khăn, gian khổ.

+ *Truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo, ham học hỏi*, mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hoá bên ngoài làm giàu cho văn hoá Việt Nam.

Trước 1911, gia đình, quê hương, đất nước đã chuẩn bị đầy đủ hành trang yêu nước để Người ra đi tìm đường cứu nước.

b. Tinh hoa văn hoá nhân loại

Kết hợp các giá trị truyền thống của văn hoá phương Đông với các thành tựu của văn minh phương Tây - đó chính là nét đặc sắc trong quá trình hình thành nhân cách và văn hoá Hồ Chí Minh.

Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã được trang bị và hấp thụ nền Quốc học và Hán học khá vững vàng, chắc chắn. Trên hành trình cứu nước, Người đã tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, vốn sống, vốn kinh nghiệm để làm giàu tri thức của mình và phục vụ cho cách mạng Việt Nam.

+ *Văn hoá phương Đông*: Người đã tiếp thu tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, và tư tưởng tiến bộ khác của văn hoá phương Đông.

Nho giáo là học thuyết về đạo đức và phép ứng xử, triết lý hành động, lý tưởng về một xã hội bình trị. Đặc biệt Nho giáo đề cao văn hoá, lễ giáo và tạo ra truyền thống hiếu học trong dân. Đây là tư tưởng tiến bộ hơn hẳn so với các học thuyết cổ đại. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng phê phán Nho giáo có những tư tưởng tiêu cực như bảo vệ chế độ phong kiến, phân chia đẳng cấp (quân tử và tiểu nhân), trọng nam khinh nữ.

Hồ Chí Minh là một hiện thân của bậc quân tử, đáng trọng phụ trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Phật giáo có hạn chế về thế giới quan duy tâm chủ quan, hướng con người tới xuất gia tu hành làm hạn chế tính tích cực xã hội của con người. Nhưng ưu điểm của Phật giáo là tư tưởng *vị tha, bình đẳng, từ bi, bác ái*. Phật giáo cũng *đề cao nếp sống đạo đức, trong sạch, chăm làm điều thiện, coi trọng lao động*. Phật giáo vào Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa yêu nước sống gắn bó với dân, hoà vào cộng đồng chống kẻ thù chung của dân tộc là chủ nghĩa thực dân.

Nói như Phật giáo Ấn Độ thì Hồ Chí Minh là hiện thân của vị “Phật sống”.

Người cũng đã tìm thấy ở “chủ nghĩa tam dân” của Tôn Trung Sơn những điều phù hợp với điều kiện của cách mạng nước ta là Tư tưởng dân chủ tiến bộ.

Người cũng đã chất lọc những tinh túy của các triết thuyết Lão Tử, Mặc Tử, Quản Tử..

Hồ Chí Minh là nhà bác-xít tinh tảo và sáng suốt, biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng văn hoá phương Đông để phục vụ cho sự nghiệp của cách mạng Việt

Nam.

+ *Văn hoá phương Tây:*

Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu rộng của nền văn hoá dân chủ và cách mạng phương Tây như: *tư tưởng tự do, bình đẳng* trong “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” của Đại cách mạng Pháp 1791; *tư tưởng dân chủ, về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc* trong “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ 1776. Trước khi ra nước ngoài, Bác đã nghe thấy ba từ Pháp: *tự do, bình đẳng, bác ái*. Sau này Người nhớ lại “*Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe 3 chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy*”. Lần đầu sang, Pháp Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh, nhân cách, phẩm chất cao thượng, *tư duy độc lập tự chủ*. Người đã nhìn thấy mặt trái của “*lý tưởng*” *tự do, bình đẳng, bác ái*. Người cũng tiếp thu *tư tưởng tiến bộ* của những nhà Khai sáng Pháp như Voltaire, Rousso, Montesquieu.

Đạo Công giáo là tôn giáo lớn của phương Tây, Hồ Chí Minh quan niệm Tôn giáo là văn hoá. Điểm tích cực nhất của Công giáo là *lòng nhân ái*, là tấm gương nhân từ của Chúa hi sinh vì sự nghiệp cứu rỗi con người.

Hồ Chí Minh tiếp thu có chọn lọc *tư tưởng văn hoá Đông - Tây* để phục vụ cho cách mạng Việt Nam. Người dẫn lời của Lênin: “*Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại*”¹.

c. *Chủ nghĩa Mác-Lênin*

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất của *tư tưởng Hồ Chí Minh*, là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của *tư tưởng Hồ Chí Minh*, đồng thời *tư tưởng* của Người góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác-Lênin ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập, tự do. Người khẳng định: “*Chủ nghĩa Mác-Lênin đối với chúng ta... là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới CNXH...*”.

Sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin ở Hồ Chí Minh nổi lên một số điểm đáng chú ý:

Một là, khi ra đi tìm đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc đã có một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo, Người đã phân tích, tổng kết các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; Người tự hoàn thiện vốn văn hoá, vốn chính trị, vốn sống thực tiễn phong phú, nhờ đó Bác đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin như một lẽ tự nhiên “tất yếu khách quan và hợp với quy luật”. Chủ nghĩa Mác-Lênin là bộ phận văn hoá đặc sắc nhất của nhân loại: tinh tuý nhất, cách mạng nhất, triệt để nhất và khoa học nhất

Hai là, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là tìm con đường giải phóng cho dân tộc, tức là xuất phát từ nhu cầu thực tiễn Việt Nam chứ không phải từ nhu cầu tư duy. Người hồi tưởng lần đầu tiếp xúc với chủ nghĩa Lênin, “*khi ấy ngồi một mình trong phòng mà tôi nói to lên như đang đứng trước đông đảo quần chúng: hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng cho chúng ta*”.

Ba là, Người vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin theo phương pháp mác-xít và theo tinh thần phương Đông, không sách vở, không kinh viện, không tìm kết luận có sẵn mà tự tìm ra giải pháp riêng, cụ thể cho cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở chủ yếu nhất hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ:

- Quyết định bản chất thế giới quan khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Quyết định phương pháp hành động biện chứng của Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam, là tư tưởng Việt Nam thời hiện đại.

3. Nhân tố chủ quan

Cùng thời có biết bao Đảng viên Đảng Xã hội Pháp người Việt cũng đọc Luận cương của Lênin, nhưng chỉ có Nguyễn Ái Quốc sớm nhìn ra con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước và giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Nhân tố chủ quan là một nhân tố quan trọng trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhân cách, phẩm chất, tài năng và trí tuệ của Hồ Chí Minh đã tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển tư tưởng của Người. Những nhân tố chủ quan

thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh là:

+ Hồ Chí Minh có tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, có óc phê phán tinh tường và sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng trong nước và trên thế giới.

+ Hồ Chí Minh có sự khổ công học tập, rèn luyện chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của nhân loại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để tiếp cận với chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách là học thuyết về cách mạng của giai cấp vô sản.

+ Hồ Chí Minh có tâm hồn của một người yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng; một trái tim yêu thương nhân dân, thương người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập của Tổ Quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Bác Hồ từ một người tìm đường cứu nước đã trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc đi theo.

N2: Nội dung sinh viên nên biết

I.2. Những nhân tố chủ quan

- Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh
- Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn

II. Quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911
2. Thời kỳ 1911 – 1920
3. Thời kỳ 1921 – 1930
4. Thời kỳ 1930 – 1945
5. Thời kỳ 1945 - 1969

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

N3: Nội dung sinh viên có thể biết

- Lịch sử thế giới cận hiện đại
- Tư tưởng Nho giáo, Khổng Tử, phật giáo
- Chủ nghĩa yêu nước và những truyền thống quý báu của dân tộc

d. Củng cố, tổng kết

-Cơ sở lý luận hình thành TTHCM

e. Giao nhiệm vụ

Chuẩn bị bài để thảo luận

3 tiết thảo luận

Thảo luận chương 2

1. Thảo luận nội dung bài học

- Khi lựa chọn con đường cứu nước, vì sao Hồ Chí Minh lại lựa chọn đi sang phương Tây?

- Trong những tiền đề tư tưởng lý luận, theo bạn tiền đề nào là quan trọng nhất? Giải thích vì sao?

- Đánh giá vai trò của chủ nghĩa yêu nước đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đánh giá vai trò của Chủ nghĩa Mác – Lênin đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Thảo luận nội dung trong “sách bài tập thảo luận”

Sinh viên sử dụng sách bài tập thảo luận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, phần chương 1

Lớp chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm làm bài tập tương ứng với 3 phần bài tập.

Nhóm 1: Bình luận và chứng minh

Nhóm 2: Kể chuyện

Nhóm 3: Thảo luận đề tài\

Mỗi nhóm sẽ làm việc trong 1 tiết

Kết thúc mỗi nhóm giáo viên tổng kết và nhận xét nhóm.

3. Thảo luận nhóm

2 tiết lý thuyết

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

(Tổng số tiết: 6; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết bài tập, thảo luận: 1 tiết; số tiết

kiểm tra: 1 tiết)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- *Về kiến thức:* Hiểu được quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc ở Việt Nam; nắm rõ nét đặc sắc trong quan điểm của Hồ Chí Minh về CM GPDT, ý nghĩa và giá trị của những tư tưởng này đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

- *Về kỹ năng:* Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- *Về thái độ:* Hiểu được giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tôn trọng lịch sử và tôn trọng lãnh tụ, có tinh thần yêu nước, có thái độ và nhiệt huyết trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

b) Chuẩn bị:

- Giảng viên:

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phần viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

1. Vấn đề độc lập dân tộc

a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Nền độc lập hoàn toàn, độc lập thật sự của một dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải được thể hiện đầy đủ ở những nội dung cơ bản sau đây:

+ *Độc lập tự do là quyền tự nhiên, thiêng liêng, vô cùng quý giá và bất khả xâm phạm của dân tộc.* Độc lập của Tổ Quốc, tự do của nhân dân là thiêng liêng nhất. Người đã từng khẳng định: *Cái mà tôi cần nhất trên đời này là: đồng bào tôi được tự do, Tổ Quốc tôi được độc lập.*

Trong “Bản Yêu sách tám điểm” gửi Hội nghị Vec-xay năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Nội dung cốt lõi trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930 là: độc lập, tự do cho dân tộc.

Trực tiếp chủ trì Hội nghị TW 8 (5/1941), Người viết thư Kính cáo đồng bào và chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng là cao hơn hết thảy”¹.

Tháng 8 năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, Người khẳng định quyết tâm: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập dân tộc”².

Trong “Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, Người long trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ quyền tự do độc lập ấy”³. v.v.

+ *Độc lập dân tộc phải gắn liền với sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.*

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau CMTT, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc

³ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, trang 4.

lập và chủ quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ Quốc và độc lập cho đất nước”¹.

Khi đế quốc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền được thể hiện rõ: “*Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”². Và khi đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, Hồ Chí Minh đã đưa ra một chân lý bất hủ: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”³.

Chính bằng tinh thần, nghị lực này cả dân tộc ta đứng dậy đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc. Và chính phủ Mỹ phải cam kết: “*Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận*”.

+ *Dân tộc độc lập trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.* Mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia do dân tộc đó tự quyết định. Người khẳng định: Nước Việt Nam là của người Việt Nam, do dân tộc Việt Nam quyết định, nhân dân Việt Nam không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, ngày 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi đến hội nghị Véc-xây *Bản yêu sách của nhân dân An-Nam* đòi quyền bình đẳng cho dân tộc Việt Nam.

Một là, đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông Dương như đối với châu Âu, xoá bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh, thay thế bằng chế độ đạo luật.

Hai là, đòi quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp, tự do cư trú...

Bản yêu sách không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc rút ra bài học: Muốn bình đẳng thực sự phải đấu tranh giành độc lập dân tộc - làm cách mạng, muốn giải phóng dân tộc chỉ có thể trông cậy vào chính mình, vào lực lượng của bản thân mình.

+ *Trong nền độc lập đó, mọi người dân đều ấm no, tự do, hạnh phúc, nếu không độc lập chẳng có nghĩa gì.* Nghĩa là độc lập dân tộc phải gắn liền với hạnh phúc, com

¹ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 3, trang 496.

no, áo ấm của nhân dân.

Suốt đời Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tốt bậc là “*làm sao cho nước ta được hoàn độc lập, dân tộc ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”

Người nói: “Chúng ta đã hy sinh, đã giành được độc lập, dân chỉ thấy giá trị của độc lập khi ăn đủ no, mặc đủ ấm”. => Tư tưởng này thể hiện tính nhân văn cao cả và triệt để cách mạng của Hồ Chí Minh.

Tóm lại, “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” không chỉ là lý tưởng mà còn là lẽ sống, là học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh. Đó là lý do chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của cả dân tộc Việt Nam, đồng thời là nguồn động viên đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

- Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó

- Các cuộc đấu tranh giành độc lập cuối thế kỷ XIX diễn ra theo hệ tư tưởng phong kiến đều thất bại là do chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn.

- Các cuộc đấu tranh giành độc lập đầu thế kỷ XX: con đường bạo động của Phan Bội Châu chẳng khác gì “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”; con đường của Phan Chu Trinh cũng chẳng khác nào “xin giặc rủ lòng thương”; Con đường của Hoàng Hoa Thám thực tế hơn, nhưng vẫn mang nặng cốt cách phong kiến.

- Con đường của Nguyễn Thái Học theo hệ tư tưởng tư sản, đã chứng tỏ giai cấp tư sản Việt Nam không đảm đương được sứ mệnh dân tộc.

Khâm phục tinh thần cách mạng của cha ông, nhưng Người không tán thành con đường cách mạng của họ. Người xuất ngoại, đến nhiều quốc gia trên thế giới để tìm một con đường cứu nước mới.

- Cách mạng tư sản là không triệt để

Người nghiên cứu rất kỹ các cuộc cách mạng, điển hình là cách mạng giải phóng dân tộc của Mỹ năm 1776, cách mạng Pháp 1789 và đi đến kết luận: “Cách mệnh Pháp

cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”¹.

=> Người không đi theo con đường cách mạng Tư sản.

- Con đường giải phóng dân tộc

Người đến với Lênin và tán thành QT III vì Người thấy ở đó một phương hướng mới để giải phóng dân tộc: Cách mạng Vô sản. Người nhận xét: Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật sự. Cuộc cách mạng này đã mở ra hai con đường: giải phóng nhân dân lao động trong nước và tạo điều kiện cho nhân dân các nước thuộc địa đứng lên tự giải phóng:

“Nước Nga có chuyện lạ đời

Biến người nô lệ thành người tự do”

Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”².

b. Cách mạng giải phóng dân tộc trong điều kiện ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

-Cách mạng trước hết phải có Đảng

Người đã chỉ ra, muốn làm cách mệnh “trước hết phải làm cho dân chúng giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân chúng hiểu”³. “Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân... Vậy nên sức mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh”⁴.

Trong “Đường Kách mệnh” Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.314

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.274

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.267

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.267

sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất

- Các lãnh tụ yêu nước tiền bối đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của chính đảng cách mạng.

+ Phan Chu Trinh nói: ngày nay, muốn độc lập, tự do phải có đoàn thể.

+ Phan Bội Châu đã tổ chức ra Duy Tân hội (1904) và Việt Nam Quang phục hội (1912).

+ Các nhà cách mạng có khuynh hướng tư sản đã lập ra Việt Nam Quốc dân Đảng

Nhưng tất cả các tổ chức cách mạng kiểu đó đều không thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công, vì nó thiếu đường lối chính trị đúng đắn, thiếu phương pháp cách mạng khoa học và không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

- Đầu 1930, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lấy CNMLN “làm cốt”, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và liên hệ mật thiết với quần chúng.

+ Hồ Chí Minh là người chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời, đồng thời là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta.

+ Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. => Đây là luận điểm Người đã phát triển học thuyết MLN về Đảng Cộng sản, nhờ nó mà Đảng Cộng sản Việt Nam có sự gắn bó chặt chẽ với nhân dân, với toàn dân tộc trong mọi thời kỳ của cách mạng Việt Nam.

- Ngay từ khi mới ra đời, Đảng do Hồ Chí Minh sáng lập đã qui tụ được lực lượng và sức mạnh của toàn bộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam. Đó là một đặc điểm, đồng thời là ưu điểm của Đảng. Nhờ đó, ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công - nông làm nền tảng

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.267-268

-Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức

Từ 1924, Người cho rằng: “Đề có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương: 1- Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng...”¹.

Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động. Người khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc “là sự nghiệp của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người”².

Trong CMT8 cũng như trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh luôn lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Người nói: “Đối với tôi câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”³.

Hồ Chí Minh luôn đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân, coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng nhân dân là then chốt bảo đảm thắng lợi.

- Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc

Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, trừ bọn tay sai bán nước, tất cả mọi giai tầng ở Việt Nam đều có khả năng tham gia cách mạng giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh phân tích: “... dân tộc cách mạng thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”⁴.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người khẳng định lực lượng cách mạng là bao gồm cả dân tộc.

Trong phạm vi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà đối tượng cần đánh đổ trước hết là bọn đế quốc và đại địa chủ phong kiến tay sai, Hồ Chí Minh chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam đang bị làm nô lệ trong một mặt trận dân tộc thống nhất nhằm huy động sức mạnh toàn dân. *Sách lược văn tắt* chỉ rõ “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,.. để kéo họ đi vào

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.468-469

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.261-262

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.192

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.266

phe vô sản giai cấp. Còn với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, chí ít là làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì cần phải đánh đổ”¹.

Trong lực lượng toàn dân tộc, Người luôn nhắc nhở không được quên cốt lõi của nó là công - nông. Phải nhớ: “Công nông là gốc cách mệnh, học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư sản áp bức, song không cực khổ bằng công nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn của cách mệnh, của công nông thôi”², và phải thực hiện theo đúng nguyên tắc: “Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp”³.

Hồ Chí Minh chưa bao giờ vì vấn đề dân tộc mà quên đi hoặc coi nhẹ vấn đề giai cấp, ngược lại, Người luôn tìm thấy mối quan hệ khăng khít giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Tuy nhiên, để có thể tập hợp lực lượng thì phải đoàn kết tất cả những người Việt Nam yêu nước để cùng đánh đổ kẻ thù chung của cả dân tộc, trong đó bộ phận trung tâm là công nhân, nông dân và khối liên minh công – nông do giai cấp công nhân lãnh đạo.

đ. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

- Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo

- Hồ Chí Minh khẳng định sức sống và nọc độc của chủ nghĩa đế quốc tập trung ở các nước thuộc địa. Chính sự áp bức, bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đế quốc đã tạo nên mâu thuẫn gay gắt giữa các dân tộc thuộc địa với CNTB.

Người viết: “tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi CNTB lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ công nhân rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó”⁴. “... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa”⁵.

¹ Xem Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 3, tr.3

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.266

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.266

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.243

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.274

- Trong cuộc đấu tranh chống CNĐQ, CNTD, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Chủ nghĩa dân tộc chân chính, chủ nghĩa yêu nước truyền thống là một động lực to lớn của cách mạng giải phóng dân tộc.

Cho nên, phải “làm cho các dân tộc hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau, đoàn kết với nhau để tạo cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, làm một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹; phải phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh quốc tế Cộng sản.

- Trong khi yêu cầu QT III và các đảng cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định *công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng*.

Vận dụng công thức của C.Mác: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”, Người đi đến luận điểm: “Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa), chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”².

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao sức mạnh của một dân tộc vùng dậy chống đế quốc thực dân; chủ trương phát huy nỗ lực chủ quan của dân tộc, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. Người nói: “Kháng chiến trường kỳ gian khổ đồng thời phải tự lực cánh sinh. Trông vào sức mình... Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”³.

- Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc

- Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này vô hình dung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của các phong trào cách mạng ở thuộc địa. Hồ Chí Minh đã phê phán và chỉ ra sai lầm của quan điểm đó.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.124

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.128

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 6, tr.522

- Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. *Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc hay quan hệ chính - phụ.*

Năm 1925 Người viết, “Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”¹.

- Nhận thức đúng vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Nguyễn Ái Quốc cho rằng *cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước và giúp đỡ cách mạng vô sản ở chính quốc.*

Bởi vì “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở thuộc địa”², và “Ngày mà hàng trăm nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”³.

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận thực tiễn và lý luận to lớn; một công hiến quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

- Tính tất yếu của bạo lực cách mạng

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.298

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.273

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.36

- Theo Mác: bạo lực là bà đỡ của mọi chính quyền cách mạng, vì giai cấp thống trị bóc lột không bao giờ tự giao chính quyền cho lực lượng cách mạng.

- Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường cách mạng bạo lực được quy định bởi các yếu tố:

+ Sự thống trị của thực dân đế quốc ở thuộc địa vô cùng hà khắc, không hề có một chút quyền tự do dân chủ nào, không có cơ sở nào cho thực hành đấu tranh không bạo lực.

+ “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”¹. Vì thế, con đường để giành và giữ độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực.

+ Cách mạng giải phóng dân tộc là lật đổ chế độ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay cách mạng, nó phải được thực hiện bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Như ở Việt Nam là khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

Người viết: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp của cả dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành chính quyền và bảo vệ chính quyền”².

- Quán triệt quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, Hồ Chí Minh chỉ rõ, *bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng*, nghĩa là toàn dân vùng dậy đánh đuổi quân xâm lược.

- *Hình thức của bạo lực cách mạng gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang*, nhưng phải “tùy tình hình cụ thể mà quy định những hình thức cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị cho cách mạng”³, ngoài ra còn phải tận dụng đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

- Hình thái bạo lực cách mạng

- Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, *Hồ Chí Minh chủ trương khởi nghĩa toàn dân và phát động cuộc chiến tranh nhân dân*. Người nói: “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó thì không thể nào thắng lợi được”⁴.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.96

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 12, tr.304

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 12, tr.304

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 4, tr.298

Toàn dân khởi nghĩa, toàn dân nổi dậy là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thái của bạo lực cách mạng.

- Phương châm chiến lược là toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến

Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng đồng thời kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. “Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm clo thắng lợi quân sự to lớn hơn”¹.

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược nhằm thêm bạn bớt thù, phân hoá, cô lập kẻ thù, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế. “vừa đánh vừa đàm”, “đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ”².

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch.

“Chiến tranh về mặt văn hoá hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém phần quan trọng”³.

Về kháng chiến trường kỳ, trong thời kỳ chống Pháp Người nói: “Địch muốn tốc chiến tốc thắng. Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng”⁴. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước Người ra Lời kêu gọi (17/7/1967): “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác có thể bị tàn phá, nhưng chúng ta nhất định phải đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

- Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh của nhân dân.

Trong *Đường Kách mệnh* Người chỉ rõ: muốn người ta giúp cho thì mình phải tự giúp lấy mình đã.

Tháng 8 năm 1945 khi thời cơ xuất hiện, Người kêu gọi toàn quốc, đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà giải phóng cho ta.

¹ Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân, Nxb QĐND, Hà Nội, 1975, tr.148

² Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb CTQG, Hà Nội, 1997, trang 205

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.319

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.485

- *Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế cũng là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người đã động viên sức mạnh toàn dân tộc, đồng thời ra sức vận động, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế to lớn và có hiệu quả cả về vật chất và tinh thần.

3 tiết lý thuyết tiếp

Chương 3 (tiếp)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- *Về kiến thức:* Hiểu được quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về vấn đề chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nắm rõ nét đặc sắc trong quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, ý nghĩa và giá trị của những tư tưởng này đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

- *Về kỹ năng:* Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- *Về thái độ:* Hiểu được giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tôn trọng lịch sử và tôn trọng lãnh tụ, có tinh thần yêu nước, có thái độ và nhiệt huyết trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

b) Chuẩn bị:

- Giảng viên:

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Với cách diễn đạt dung dị, dễ hiểu, dễ nhớ, khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được Người tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chỉ ra đặc trưng ở một lĩnh vực nào đó (như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, động lực, nguồn lực, v.v.) của chủ nghĩa xã hội, song tất cả đều hướng đến mục tiêu cơ bản của nó mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu nước mạnh.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là xã hội thuộc giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản – một xã hội không còn áp bức, bóc lột, do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

- Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, sự ra đời của CNXH trên phạm vi quốc tế là quy luật phát triển của xã hội loài người.

+ Dựa vào học thuyết hình thái kinh tế - xã hội Người khẳng định, sự ra đời của CNXH là một tất yếu kinh tế, nguyên nhân sâu xa là sự phát triển của sức sản xuất xã hội (LLSX).

+ Sự ra đời của CNXH là do nhu cầu giải phóng con người một cách triệt để (theo 3 trình độ từ thấp đến cao: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng từng cá nhân để hình thành những nhân cách phát triển toàn diện).

Đối với Việt Nam, hàng nghìn năm dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ phong kiến, thực dân, nhiều khuynh hướng cứu dân, cứu nước đã được thử nghiệm nhưng đều không đem lại kết quả cuối cùng mà dân tộc khát khao đạt được. Hồ Chí Minh nhận thấy chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là nguồn gốc của tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ

những bức tường dài ngăn cản con người yêu đoàn kết, yêu thương nhau. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại nói chung, của Việt Nam nói riêng là tất yếu của lịch sử, vừa đáp ứng được khát vọng của những lực lượng tiến bộ xã hội trong quá trình đấu tranh tự giải phóng mình.

c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

Về chính trị, CNXH là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ.

Hồ Chí Minh coi nhân dân có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực. CNXH chính là sự nghiệp của chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân.

Về kinh tế: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Đó là xã hội có một nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, sức sản xuất luôn luôn phát triển trên nền tảng phát triển khoa học kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại.

Về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội: Xã hội xã hội chủ nghĩa xã hội có trình độ phát triển cao về văn hoá và đạo đức, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.

Về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội: Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hoà trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

+ *Mục tiêu chính trị: xây dựng chế độ do nhân dân lao động làm chủ, trong đó nhân dân là những người chủ chân chính.* Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng cơ bản là dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân.

Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng xác định: đã là người chủ phải biết làm chủ. Mọi công dân trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động, bảo vệ Tổ Quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, tôn trọng và bảo vệ của công, đồng thời có nghĩa vụ học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt để xứng đáng vai trò làm chủ.

+ *Mục tiêu kinh tế*: Phải xây dựng được nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, bóc lột bị xoá bỏ dần, cải thiện đời sống. Người coi công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chú trọng xây dựng nền kinh tế mới, cải tạo nền kinh tế cũ, nhưng xây dựng là trọng tâm.

Kết hợp các lợi ích kinh tế là vấn đề rất được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

+ *Mục tiêu văn hoá*: phải mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại

Chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, trong đó phải biết kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu những tinh hoa của nhân loại để làm giàu nền văn hoá dân tộc, phải đưa văn hoá vào đời sống nhân dân. Văn hoá phải góp phần sửa sang chính thể. Văn hoá phải chống tham ô, lười biếng.

+ *Mục tiêu về quan hệ xã hội*: Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh. Chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là chế độ “dân làm chủ”, “dân là chủ” nên theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội

b) Các động lực của CNXH

Động lực

- Động lực của CNXH theo nghĩa rộng được Hồ Chí Minh chỉ ra là Sử dụng đồng bộ các đòn bẩy về kinh tế-chính trị-văn hóa-xã hội để kích thích tính tích cực của người lao động. Ở phương diện này Người nhấn mạnh 2 nội dung Tính đồng bộ của các đòn bẩy và Trình độ năng lực của cán bộ quản lý nhà nước

- Động lực của CNXH theo nghĩa hẹp được Hồ Chí Minh chỉ ra là vấn đề con người. Ở phương diện này Người khẳng định là Đại đoàn kết dân tộc và Con người mới XHCN.

- Động lực của CNXH được Hồ Chí Minh nêu rất cụ thể, nhưng cũng rất phong phú đa dạng, có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, động lực chính trị tư tưởng, tinh thần.

Sức mạnh tiềm tàng của quần chúng chỉ được huy động vào sự nghiệp cách mạng khi quần chúng giác ngộ lý tưởng cách mạng, nhất trí với quan điểm của Đảng, tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hồ Chí Minh từng nói, muốn xây dựng CNXH thành công “cần có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, một lòng một dạ phấn đấu cho CNXH”¹.

Sự giác ngộ này có được là kết quả của một quá trình tuyên truyền, giáo dục lâu dài, bền bỉ của toàn hệ thống chính trị.

Thứ hai, phát huy sức mạnh đoàn kết của cộng đồng dân tộc.

Sức mạnh ấy thể hiện ở lực lượng của các giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, các dân tộc, đồng bào yêu nước trong và ngoài nước không phân biệt đảng phái, tôn giáo, tín ngưỡng.

Thứ ba, thoả mãn những nhu cầu, lợi ích chính đáng của người lao động

Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc rằng, hành động của con người luôn luôn gắn với nhu cầu và lợi ích của họ. Vì vậy, Người chú ý kích thích động lực mới là lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động; chủ trương thực hiện các cơ chế chính sách để kết hợp hài hoà lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, như thực hiện khoán, thưởng, phạt đúng đắn và nghiêm túc trong lao động sản xuất.

Trong cách mạng, có những lĩnh vực đòi hỏi con người phải chịu hy sinh, thiệt thòi, chỉ lợi ích kinh tế không thôi thì chưa giải quyết được, cần có động lực chính trị - tinh thần. Vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải phát huy quyền làm chủ và ý thức là chủ của người lao động.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.457

Thực hiện công bằng xã hội (công bằng nhưng không cào bằng). Người căn dặn: *không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.*

Thứ tư, để tạo động lực cho CNXH, còn cần phải sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác như chính trị, đạo đức, văn hoá, pháp luật.

Thứ năm, ngoài các động lực bên trong, theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới,...

Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định rất rõ nội lực là quyết định nhất, ngoại lực là rất quan trọng.

- Để phát huy cao độ những động lực của CNXH, cần phải khắc phục những trở lực kìm hãm nó. Đó là:

+ Phải thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân (giặc nội xâm), vì nó là kẻ địch hung ác của CNXH, là "*bệnh mẹ*" đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm khác.

+ Phải thường xuyên đấu tranh chống tham ô, lãng phí và quan liêu, vì nó là bạn đồng minh của thực dân phong kiến, nó phá hoại đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính.

+ Chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật, vì nó làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng.

+ Chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập,...

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN

a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

Tính chất của thời kỳ quá độ: Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

Đặc điểm của thời kỳ quá độ: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; trong đó:

Về chính trị, phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng được chế độ này, theo Hồ Chí Minh, phải chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết ở trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến Trung ương đồng thời phải bồi dưỡng, giáo dục để nhân dân có tri thức, có năng lực làm chủ chế độ xã hội.

Về kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Giữa cải tạo và xây dựng thì xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài và phải luôn gắn với việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Về văn hóa, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.

Về các quan hệ xã hội, phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể.

b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống

N2: Nội dung SV nên biết

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc
3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

N3: Nội dung SV có thể biết

IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tị tị chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

d. Củng cố, tổng kết

- Quan điểm của HCM về cách mạng giải phóng dân tộc
- Quan điểm của HCM về động lực, mục tiêu của CNXH ở Việt Nam

e. Giao nhiệm vụ

Đọc nội dung chương IV

3 tiết lý thuyết

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân, vì dân

(Tổng số tiết: 7; Số tiết lý thuyết: 5; Số tiết bài tập, thảo luận: 2 tiết)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- **Về kiến thức:** Hiểu được quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam, về nguồn gốc, bản chất của Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng và những tư tưởng quan điểm xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh.

- **Về kỹ năng:** Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- **Về thái độ:** Nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, tin tưởng vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng.

b) Chuẩn bị:

- Giảng viên:

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phần viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a. Đảng là đạo đức, là văn minh

Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của người cộng sản. Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, trong hệ thống các bài giảng cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hồ Chí Minh đưa lên đầu như là một bài nhập môn phần Tư cách của một người cách mạng. Hồ Chí Minh đã lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện cho toàn Đảng về đạo đức cộng sản, suốt đời phấn đấu hy sinh cho lợi ích của Đảng và dân tộc. Đó là một nhân tố cực kỳ quan trọng để tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, là yếu tố vững bền tạo nên truyền thống của Đảng.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức đã bao hàm cả các yếu tố về năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để cho Đảng trở thành Đảng của đạo đức, của văn minh là 56 Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái; có đức trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính và luôn luôn chí công vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công

nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

- Giàu sang không thể quyến rũ
- Nghèo khó không thể chuyển lay,
- Uy lực không thể khuất phục”

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”.

Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng. Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo nếu Đảng không trong sạch, vững mạnh, nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất.

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

- Tập trung dân chủ.
- Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách
- Tự phê bình và phê bình.
- Kỷ luật nghiêm minh, tự giác.
- Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn
- Đoàn kết, thống nhất trong Đảng
- Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân.
- Đoàn kết quốc tế.

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh lưu ý phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức vừa có tài, trong sạch, vững mạnh.

- Đó phải là những con người trung thành tuyệt đối với Đảng, với sự nghiệp cách

mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của cách mạng, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, những người “đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết, vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau...Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng” .

- Đó phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

- Đó phải là những người luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng. - Đó phải là những người luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Đó phải là những người có mối quan hệ mật thiết với nhân dân, làm đầy tớ thật trung thành cho nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiên phong, gương mẫu, chịu khổ trước nhân dân và vui sau nhân dân, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

- Đó phải là những người không bao giờ thụ động, không bao giờ lười biếng mà phải là những người “thắng không kiêu bại không nản”, luôn luôn có tinh thần sáng tạo, hăng hái, nêu cao trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân

N2: Nội dung SV nên biết

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu, xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam. Sự bảo đảm, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển của đất nước Việt Nam theo mục tiêu chủ nghĩa xã hội là một nguyên tắc vận hành của xã hội Việt Nam từ khi có Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Trên thế giới, nói chung, sự ra đời của một đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa cộng sản khoa học với phong trào công nhân. Còn đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự

kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Như vậy, so với học thuyết Mác - Lênin thì Hồ Chí Minh đưa thêm vào yếu tố thứ ba nữa, đó là phong trào yêu nước.

N3: Nội dung SV có thể biết

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Tác phẩm: Đường Kách Mệnh, Di chúc.

d) Củng cố, tổng kết:

- SV đọc và học kỹ những nội dung sau:
 - + Quan điểm của HCM về vấn đề Nguồn gốc ra đời của ĐCS.
 - + Quan điểm của HCM về Nội dung xây dựng ĐCS VN.
 - + Kỹ năng vận dụng những tư tưởng của Người vào thực tế cách mạng VN giai

đoạn hiện nay.

f) Giao bài tập:

- + Đọc những phần tự học ở nhà
- + Chuẩn bị thảo luận theo sự phân công của giảng viên.

2 tiết lý thuyết

Chương 4 (tiếp)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- **Về kiến thức:** Hiểu được quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền XHCN và những tư tưởng quan điểm xây dựng Nhà nước Việt Nam trong sạch vững mạnh.

- **Về kỹ năng:** Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- **Về thái độ:** Nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, tin tưởng vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng.

b) Chuẩn bị:

- **Giảng viên:**

+ *Các phương tiện dạy học chính*: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy*: Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phần viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính*: Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập*: Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của nhà nước

Nhà nước Việt Nam mới, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện :

Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công – nông – trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong Nhà nước Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc :

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiên hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân

****Nhà nước của dân***

Nhà nước của dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp. Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

- Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do.

- Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên.

- Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

****Nhà nước do dân***

Nhà nước do dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v.. Nhà nước do dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”⁴. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”⁵. Dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

****Nhà nước vì dân***

Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: "Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh"

Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đày tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đày tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài.

N2: Nội dung sinh viên nên biết:

2. Nhà nước pháp quyền

- a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp
 - b. Nhà nước thượng tôn pháp luật
 - c. Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa
3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh
- a. Kiểm soát quyền lực nhà nước
 - b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước

N3: Nội dung sinh viên có thể biết

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nền dân chủ XHCN
- Hiến pháp nước CH XHCN Việt Nam năm 1946 và năm 1992
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng đảng và xây dựng nhà nước

d) Củng cố, tổng kết:

SV đọc và học kỹ những nội dung sau:

- + Quan điểm của HCM về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- + Quan điểm của HCM về xây dựng NN có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.
- + Quan điểm của HCM về xây dựng NN trong sạch, vững mạnh.
- + Kỹ năng vận dụng những tư tưởng của Người vào thực tế cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay.

e) Giao bài tập:

+ Đọc những phần tự học ở nhà, ghi chép lại những thắc mắc để giải quyết trong giờ thảo luận

- + Chuẩn bị thảo luận theo sự phân công của giảng viên.
- + Đọc trước bài chương V

3 tiết thảo luận chương 3 + 4

Thảo luận các vấn đề sau:

- Giá trị TTHCM về vấn đề dân tộc và ý nghĩa của vấn đề trong giai đoạn hiện nay
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay
- Giá trị của TTHCM trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam
- Giá trị của TTHCM trong công tác xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN VN
- So sánh quan điểm của HCM và quan điểm của Cn M-LN về nguồn gốc ra đời của Đảng cộng sản;
- Vì sao nói xây dựng Đảng là quy luật tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của Đảng?
- + Thảo luận nhóm:
 - Chứng minh Đảng Cộng Sản Việt Nam có vai trò độc nhất và duy nhất lãnh đạo cách mạng VN đến thắng lợi cuối cùng;
 - Theo anh (chị), trong giai đoạn hiện nay để xây dựng Đảng Cộng sản VN trong sạch, vững mạnh cần phải chú trọng điều gì nhất?

2 tiết lý thuyết

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

(Tổng số tiết: 7; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết bài tập, thảo luận: 3 tiết)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- *Về kiến thức:* Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc; vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

- *Về kỹ năng:* Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- *Về thái độ:* Thấy được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng, có thái độ đoàn kết, tương thân tương ái, xây dựng tình bạn bè hữu ái trong nước và quốc tế.

b) Chuẩn bị:

- *Giảng viên:*

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phần viết, máy chiếu, microphone...

- *Sinh viên:*

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Đại đoàn kết dân tộc là nội dung xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như trong hoạt động thực tiễn của Người. Trong các bài viết, nói, vấn đề đại đoàn kết dân tộc được Bác Hồ đề cập đến chiếm tỷ lệ 43%. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” Bác nhắc tới 16 lần đại đoàn kết. Tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt minh - Liên Việt, Bác nhắc tới 17 lần. Trong diễn văn kỷ niệm quốc khánh 1957, Bác nhắc tới 19 lần.

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

- *Thế nào là vấn đề có ý nghĩa chiến lược?*

+ Về khái niệm: Chiến lược được hiểu là phương châm và biện pháp có tính toàn cục được vận dụng trong suốt tiến trình cách mạng.

+ Trong tư tưởng Hồ Chí Minh Đoàn kết là một chiến lược chứa đựng hệ thống những luận điểm thể hiện những nguyên tắc, biện pháp giáo dục, tập hợp những lực lượng cách mạng tiến bộ nhằm phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc và quốc tế trong sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

+ Chiến lược là cái nhất quán, xuyên suốt tiến trình cách mạng, thể hiện cả vấn đề lý luận lẫn vấn đề thực tiễn. (43% bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề đoàn kết).

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng.

- Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng có thể và cần thiết điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng, song *đại đoàn kết luôn là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng*

Hồ Chí Minh đã khái quát thành luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết:

+ *Đoàn kết làm ra sức mạnh*: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ mà nhân dân giao phó”¹; “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”².

+ “*Đoàn kết là điểm mọ*. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”³.

+ *Đoàn kết là then chốt của thành công*.

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết;

Thành công, thành công, đại thành công”⁴.

b) Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr.392

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr.397

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.392

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.392

- Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không đơn thuần là phương pháp tập hợp lực lượng cách mạng, mà đó là *mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của cách mạng*. Đại đoàn kết dân tộc là một vấn đề có tính đường lối, một chính sách nhất quán chứ không thể là một thủ đoạn chính trị.

Cách mạng muốn thành công, đường lối đúng đắn thôi chưa đủ, mà trên cơ sở đường lối đúng, Đảng phải cụ thể hoá thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử.

+ Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam năm 1951, Hồ Chí Minh nêu mục đích của Đảng Lao động Việt Nam gồm 8 chữ: “*Đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc*”.

+ Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng XHCN, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: *Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập*. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: *Một là đoàn kết. Hai là xây dựng CNXH. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà*”¹.

- *Đại đoàn kết dân tộc còn là nhiệm vụ hàng đầu của toàn dân tộc*. Bởi vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Từ trong đấu tranh mà nảy sinh nhu cầu khách quan về đoàn kết, hợp tác. Đảng có nhiệm vụ thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng; chuyển những nhu cầu, đòi hỏi khách quan, tự phát đó thành nhu cầu tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn để hoàn thành các mục tiêu cách mạng.

2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Đây là luận điểm sáng tạo, đặc sắc của Hồ Chí Minh.

- Vì sao phải đoàn kết toàn dân?

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

+ Cách mạng là việc lớn, không thể một hai người mà làm được.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 11, tr.130

+ Trong mỗi con người Việt Nam đều có ít nhiều lòng ái quốc. (Người ví khối đại đoàn kết dân tộc như hình ảnh bàn tay)

- Khái niệm “Dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh có biên độ rất rộng lớn. Đó là:

+ Toàn thể con dân nước Việt có lòng yêu nước, trừ một bộ phận ôm chân đế quốc, phản bội lại quyền lợi của dân tộc.

+ Là “mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, không phân biệt “già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”.

Dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với tư cách mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, họ là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc.

Người nói: “Ta đoàn kết là để đấu tranh thống nhất và độc lập Tổ Quốc, ta còn phải đoàn kết là để xây dựng nước nhà. Vậy ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ Quốc và phục vụ nhân dân thì ta đều đoàn kết với họ”.

- Nòng cốt của khối đại đoàn kết là liên minh công - nông - trí thức.

Người nhắc nhở: Trong khi tập hợp khối đại đoàn kết thì “lực lượng chủ yếu của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công - nông, cho nên liên minh công - nông là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất”. “Đại đoàn kết trước hết là đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác”. Về sau, Hồ Chí Minh mở rộng “liên minh công - nông và lao động trí óc làm nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân”. “Trong bầu trời không có gì quý bằng dân, trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”.

b) Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước-nhân nghĩa-đoàn kết của dân tộc; đồng thời phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người.

- Phải có lòng khoan dung, độ lượng, thương yêu, tin tưởng con người.

Quan điểm này của Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống nhân ái, khoan dung của dân tộc, trên cơ sở xác định rõ vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của nhân dân trong lịch sử và trong sự nghiệp cách mạng.

Người cho rằng: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên, ta phải khoan hồng, đại lộ, ta phải nhận rằng là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn vẻ vang”¹.

- *Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao.*

- *Luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thực hiện đại đoàn kết với phương châm “nước lấy dân làm gốc”.*

Nền gốc của đại đoàn kết là liên minh công-nông. Nền gốc vững vẫn cần phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác.

N2: Nội dung SV nên biết

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a) Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

- Nhận thức rõ rằng đoàn kết phải có vỏ vật chất, phải có hình thức cụ thể mới vững mạnh được, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến vấn đề tổ chức từ rất sớm, đặc biệt từ khi Đảng ra đời. Tổ chức đó chính là *Mặt trận dân tộc thống nhất*.

+ Khối đại đoàn kết dân tộc phải được giác ngộ về mục tiêu, tổ chức thành khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Và phải đưa quần chúng vào tổ chức phù hợp với từng giai tầng, từng lứa tuổi, giới tính, ngành nghề, tôn giáo, phù hợp với từng bước phát triển của phong trào cách mạng. Đó có thể là hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay hội phụ lão, Hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay nghiệp đoàn...

+ Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước. Trong từng thời kỳ Mặt trận có những nét khác nhau và tên gọi khác nhau (Hội phản đế đồng minh-1930, Mặt trận dân chủ-1936, Mặt trận nhân dân-1939, Mặt trận Việt Minh-1941, Mặt trận Liên Việt-1946, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam-1960, Mặt trận tổ quốc Việt Nam-1955, 1976), căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng,

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.246-247

nhưng đó phải là mặt trận chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các lực lượng phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

b) Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Một là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Sở dĩ phải lấy liên minh công - nông làm nền tảng vì: “họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết và cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”¹.

+ Người cũng căn dặn, làm cách mạng phải có tri thức và tầng lớp trí thức rất quan trọng đối với cách mạng. Người nói: “trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần đoàn kết chặt chẽ thành một khối”².

+ Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc, song chỉ có thể được củng cố và phát triển vững chắc khi được Đảng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là *vấn đề mang tính nguyên tắc*, vừa là một *tất yếu* đảm bảo cho Mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn.

Mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận là mối quan hệ máu thịt. Không có Mặt trận, Đảng không có lực lượng, không thể thực hiện được nhiệm vụ cách mạng; không có sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận không thể hình thành, phát triển và có đường lối đúng đắn.

Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là thành viên của Mặt trận. Đảng lãnh đạo bằng việc xác định chính sách mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng. Đảng phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng nhân ái, chân thành để cảm hoá, khơi dậy tinh thần tự giác, tự nguyện, không gò ép quan liêu mệnh lệnh.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.214

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.214

Hai là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

Độc lập, tự do là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết, là mẫu số chung để quy tụ các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Trên cơ sở xác định lợi ích tối cao của dân tộc, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra các tiêu chí đảm bảo quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân là độc lập, tự do và hạnh phúc.

Ba là, Mặt trận dân tộc hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, đảm bảo đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức

Thực hiện nguyên tắc này cũng phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt.

Bốn là, đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết. Phương châm là “cầu đồng tồn dị” lấy cái chung để hạn chế cái riêng. Trong đoàn kết phải luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều.

Người viết: “Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học hỏi những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên CNXH thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ”¹.

N3: Nội dung SV có thể biết

- Quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận tổ quốc Việt Nam
- d. Cùng cố, tổng kết

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.137

- Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc
- Vận dụng đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay

e. Giao nhiệm vụ

Đọc tiếp nội dung chương 5

2 tiết lý thuyết tiếp

Chương 5 tiếp

a) Xác định mục tiêu chương học:

- **Về kiến thức:** Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về tính tất yếu, nội dung và nguyên tắc xây dựng đoàn kết quốc tế; vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

- **Về kỹ năng:** Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- **Về thái độ:** Thấy được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng, có thái độ đoàn kết, tương thân tương ái, xây dựng tình bạn bè hữu ái trong nước và quốc tế.

b) Chuẩn bị:

- Giảng viên:

+ *Các phương tiện dạy học chính:* Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính:* Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập:* Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

a) Các lực lượng cần đoàn kết

- Phong trào cộng sản, phong trào công nhân thế giới là lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế.

+ Tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy phương hướng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời Người cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng của nước nhà đi đến thắng lợi vẻ vang. Đó là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; là Liên Xô và sau này là các nước XHCN; là Quốc tế III và sau này là Cục thông tin quốc tế.

+ Thực tế, Người nhận thấy, chủ nghĩa đế quốc là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Vì vậy, chỉ có sự đoàn kết, nhất trí, đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể thắng được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa thực dân.

+ Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng Cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp vô sản trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới.

+ Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta không tách rời sự đồng tình, ủng hộ của Liên Xô và các nước XHCN, của các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế.

- Đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.

+ Ra đi tìm đường cứu nước từ một nước nô lệ nên trái tim Người cùng nhịp đập với nỗi thống khổ của các dân tộc khác cùng hoàn cảnh với dân tộc mình.

+ Từ sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc để dễ bề cai trị của các nước đế quốc, tạo sự thù ghét, đối kháng dân tộc, chủng tộc,... nhằm làm suy yếu sức mạnh của các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Người đề nghị Quốc tế cộng sản phải làm sao cho các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, xích lại gần nhau (“làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương

lai, khó liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹) và bằng mọi cách phải làm cho “đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này”².

- *Đoàn kết với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý*

+ Xuất phát từ mục tiêu chung của nhân loại tiến bộ là đấu tranh cho hoà bình, độc lập, thống nhất và tiến bộ, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc khơi dậy lương tri của loài người, tạo nên tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng người cụ thể trên hành tinh đối với cuộc cách mạng chính nghĩa của nhân dân ta.

+ Quan điểm ngoại giao này cũng thể hiện chủ nghĩa nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người đã tìm thấy bạn ngay trong các nước đi xâm lược. Bởi vậy, mà Người chủ trương chống thực dân, chống bọn xâm lược chứ không phải chống người Pháp, người Mỹ nói chung.

b) Hình thức đoàn kết quốc tế

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết quốc tế đối với cách mạng dân tộc, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc thành lập các mặt trận. Đó là:

- *Chủ trương thành lập một liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung giữa 3 nước Đông Dương.*

Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, Người quyết định thành lập mặt trận riêng biệt, *Mặt trận độc lập đồng minh*, cho từng nước Việt Nam, Lào, Cao Miên, tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành *Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào*, phối hợp, giúp đỡ nhau cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

- *Thiết lập mặt trận trong phe dân chủ*

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.124

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.124

+ Người chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt theo tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em” với Trung Quốc, nước láng giềng có quan hệ lịch sử - văn hoá lâu đời với Việt Nam.

+ Thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đang đấu tranh giành độc lập

Từ những năm 1920, cùng với việc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với sự kiện này, Người đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của *Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam*.

- *Thiết lập mặt trận đối với các lực lượng yêu chuộng hoà bình, công lý*

Trong những năm đấu tranh, Hồ Chí Minh đã tiến hành những hoạt động ngoại giao không mệt mỏi nhằm xây dựng các quan hệ với Mặt trận dân chủ và các lực lượng đồng minh chống phát xít, đoàn kết với nhân dân tiến bộ ở các nước trên thế giới, kể cả ở Mỹ và Pháp, hình thành *Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*.

Như vậy, tư tưởng đại đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng của Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: *Mặt trận đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào, Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam, Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*. Đây thực sự là sự phát triển rạch ròi và thắng lợi to lớn của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

3. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế

a) Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý có tình

- Đối với phong trào cộng sản công nhân quốc tế, dứt khoát giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

+ Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, để thực hiện đoàn kết thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thì đoàn kết giữa các Đảng là “điều kiện quan trọng để

đảm bảo cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người”¹. Thực hiện sự đoàn kết đó cũng phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

+ “*Có lý*” tức là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới; đồng thời phải biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn của mỗi nước, mỗi đảng.

+ “*Có tình*” là sự cảm thông, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, chung mục tiêu đấu tranh; phải khắc phục tư tưởng “sô vanh”, nước lớn, áp đặt, hoặc dung các giải pháp về kinh tế, chính trị, ... để gây sức ép với nhau. Có tình còn đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau để cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung. Tôn trọng lợi ích của mỗi dân tộc, mỗi đảng nếu lợi ích đó không phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của đảng khác, dân tộc khác.

+ “*Có lý, có tình*” vừa thể hiện nguyên tắc, vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Nó có tác dụng to lớn trong việc củng cố khối đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và tình đoàn kết trong nhân dân lao động.

- Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

+ Độc lập tự do cho mỗi dân tộc theo Hồ Chí Minh là quyền trời cho, là “lẽ phải không ai chối cãi được”. Suốt cuộc đời mình, Người không chỉ đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn cho các dân tộc khác trên thế giới.

+ Trong quan hệ với các nước láng giềng cũng như các nước khác, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó. Người cũng khẳng định nhất quán chính

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 10, tr.235

sách ngoại giao của Việt Nam là: “làm bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với một ai”¹.

Nêu cao tư tưởng độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng và là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc mình, đồng thời thúc đẩy cho sự hiểu biết lẫn nhau, thực hiện đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới với Việt Nam vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

- Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hoà bình trong công lý.

+ Gương cao ngọn cờ hoà bình và đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh xâm lược là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh, nhưng đó phải là “một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”². Người khẳng định: “Chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình”³, “thái độ của Việt Nam đối với những nước Á châu là thái độ anh em, đối với ngũ cường là thái độ bạn bè”⁴.

+ Chính quan điểm này của Hồ Chí Minh và lòng khao khát hoà bình của nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Bởi vậy, trong hai cuộc kháng chiến, dân tộc ta đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ to lớn của rất nhiều lực lượng yêu chuộng hoà bình, nhờ vậy chúng ta đã làm nên những chiến thắng vẻ vang, lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Đánh giá vai trò và cống hiến của Hồ Chí Minh trong công tác tập hợp lực lượng cách mạng xây dựng khối đại đoàn kết, Rômét Chandra, nguyên Chủ tịch hoà bình thế giới cho rằng: “Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập, tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hoà bình và công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu, nhân dân chiến đấu cho

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.220

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.66

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.136

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.136

một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao” (Rômét Chandra, Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại, báo Nhân Dân, ngày 21/5/1980).

b) Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

- Nội lực luôn là nhân tố quyết định hàng đầu, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần “tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “muốn người khác giúp mình thì trước hết tự mình phải giúp lấy mình đã”. Người còn chỉ rõ “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì dân tộc đó không xứng đáng được độc lập”¹.

Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: *phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...*

- Vì vậy, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

- Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chính nhờ thực hiện chính sách ngoại giao theo tư tưởng Hồ Chí Minh này mà chúng ta đã nhận được nhiều sự ủng hộ quý báu của rất nhiều nước và tổ chức trên thế giới.

N2: Nội dung SV nên biết

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

a) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

+ Tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thế giới tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù.

+ Sức mạnh dân tộc là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là chủ nghĩa yêu nước truyền thống, ý thức tự lực, tự cường của dân tộc.

+ Sức mạnh quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng: Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; Phong trào cách mạng của công nhân và nhân dân lao động các nước

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.522

chính quốc và TBCN nói chung; Phong trào XHCN; Phong trào vì Hòa bình, ĐLDT, Dân chủ và tiến bộ xã hội; Phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương...

Sức mạnh thời đại mà Hồ Chí Minh nhận thức còn là *sức mạnh của tiến bộ khoa học công nghệ*, làm thay đổi có tính cách mạng về các lĩnh vực như: năng lượng, vật liệu, công nghệ sinh học, giao thông vận tải..., loài người đã tiến một bước dài trong việc chinh phục thiên nhiên. “50 năm qua thế giới đã có những chuyển biến lớn... đặc biệt là sức mạnh nguyên tử, nhiều hơn thế kỷ trước cộng lại”.

+ Theo Hồ Chí Minh thực hiện đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế. Đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho thực hiện đoàn kết quốc tế. Đoàn kết quốc tế là nhân tố thường xuyên và hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi.

b) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng

+ Kết hợp nhuần nhuyễn các vấn đề DT-GC, ĐLDT-CNXH, CNYNTT-CNQTVSTS không chỉ vì sự thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại: Hòa bình, ĐLDT, Dân chủ, Tiến bộ xã hội, và XHCN.

+ Muốn đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng cơ hội, vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sôvanh...

+ Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: Kết hợp nhuần nhuyễn các vấn đề dân tộc-giai cấp, ĐLDT-CNXH, CNYNTT-CNQTVSTS mà cốt lõi là Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội.

N3: Nội dung sinh viên có thể biết

- Quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận tổ quốc Việt Nam
- Mối quan hệ giữa Việt Nam và các quốc gia láng giềng
- Việt Nam với hội nhập quốc tế
- Chính sách ngoại giao của Việt Nam.

d) Củng cố, tổng kết:

SV đọc và học kỹ những nội dung sau:

+ Quan điểm của HCM về tính tất yếu phải xây dựng đoàn kết quốc tế; Nội dung, hình thức và những nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

+ Kỹ năng vận dụng những tư tưởng của Người vào thực tế cách mạng VN giai đoạn hiện nay.

f) Giao bài tập:

+ Đọc trước bài chương VI.

3 tiết thảo luận chương 5

- Thảo luận nội dung bài học:

+ Vai trò của đại đoàn kết với sự nghiệp CM VN

+ Muốn xây dựng và phát triển khối đoàn kết thống nhất toàn dân tộc, Đảng và Nhà nước cần phải làm gì?

+ Tại sao lại phải xây dựng đoàn kết quốc tế?

+ Muốn thực hiện đoàn kết quốc tế cần phải tuân thủ những nguyên tắc gì?

- Thảo luận nội dung trong “Sách bài tập – thảo luận”

“Tại sao nói tư tưởng của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết không chỉ là chiến lược, sách lược, nghệ thuật cách mạng mà chủ yếu là đường lối cách mạng của Hồ Chí Minh”

2 tiết lý thuyết

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới

(Tổng số tiết: 7; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết bài tập, thảo luận: 3 tiết)

a) Xác định mục tiêu chương học:

- **Về kiến thức:** Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc; hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về tính tất yếu, nội dung và nguyên tắc xây dựng đoàn kết quốc tế; vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

- **Về kỹ năng:** Nâng cao tư duy lý luận và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- **Về thái độ:** Thấy được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng, có thái độ đoàn kết, tương thân tương ái, xây dựng tình bạn bè hữu ái trong nước và quốc tế.

b) Chuẩn bị:

- **Giảng viên:**

+ *Các phương tiện dạy học chính*: Giáo án, bài giảng, sách giáo trình, đề cương chi tiết môn học, lịch cá nhân (thời khóa biểu), danh sách điểm danh, bảng ghi điểm thường xuyên.

+ *Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy*: Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo chính, máy tính, phấn viết, máy chiếu, microphone...

- Sinh viên:

+ *Các phương tiện và dụng cụ học tập chính*: Sách giáo trình, vở ghi, bút ghi, đề cương môn học.

+ *Các phương tiện và dụng cụ hỗ trợ học tập*: Sách bài tập – thảo luận, tài liệu tham khảo (nếu có, theo hướng dẫn của GV) và các dụng cụ hỗ trợ khác...

c) Nội dung giảng dạy chi tiết:

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác **a. Định nghĩa về văn hoá**

Khái niệm văn hoá có nội hàm phong phú và ngoại diên rất rộng. Chính vì vậy mà có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hoá. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm văn hoá được hiểu theo cả 3 nghĩa *rộng, hẹp và rất hẹp*.

- *Theo nghĩa rộng*, Hồ Chí Minh nêu văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời đó cũng là mục đích của cuộc sống loài người.

Tháng 8/1943, khi còn trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, lần đầu tiên Hồ Chí Minh đưa ra định nghĩa của mình về văn hoá. Và định nghĩa của Người có rất nhiều điểm gần với quan niệm hiện đại về văn hoá. Người viết:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 3, tr.431

Định nghĩa của Hồ Chí Minh đã khắc phục những quan niệm phiến diện về văn hoá trong lịch sử và hiện tại.

- *Theo nghĩa hẹp*, văn hóa là những giá trị tinh thần. Người viết: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng” (Báo cứu quốc 8.1945).

- *Theo nghĩa rất hẹp*, văn hóa đơn giản là trình độ học vấn của con người, thể hiện ở việc Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người phải đi học văn hóa”, xóa mù chữ,...

b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hoá mới

Theo Người, nền văn hoá dân tộc phải được xây dựng trên 5 điểm lớn sau đây:

“(1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

(2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

(3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

(4) Xây dựng chính trị: dân quyền.

(5) Xây dựng kinh tế”¹.

Muốn xây dựng nền văn hoá dân tộc thì phải xây dựng trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá

a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hoá trong đời sống xã hội

- *Một là, văn hoá là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng*

Hồ Chí Minh đặt văn hoá ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành 4 vấn đề chính của đời sống và chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau.

+ Trong đó, *chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Ngược lại, chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hoá phát triển.* Người nói: “Xã hội thế nào thì văn hoá thế ấy. Văn nghệ của ta rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được”².

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 3, tr.431

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr 434

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.281

Phải tiến hành cách mạng chính trị trước, cụ thể là cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, từ đó giải phóng văn hoá, mở đường cho văn hoá phát triển.

+ Trong quan hệ với kinh tế thì, kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hoá. Cho nên, phải chú trọng *xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hoá. Kinh tế phải đi trước một bước.*

- Hai là, *văn hoá không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.*

Hồ Chí Minh cho rằng, văn hoá có tính tích cực, chủ động, nó đóng vai trò như một động lực to lớn thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển. Người khẳng định: “Trình độ văn hoá của nhân dân lên cao sẽ giúp cho chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ, cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”².

+ “Văn hoá ở trong chính trị” tức là văn hoá phải tham gia nhiệm vụ chính trị, tham gia cách mạng, kháng chiến và xây dựng CNXH.

+ “Văn hoá ở trong kinh tế” tức là văn hoá phải phục vụ, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

+ “Văn hoá ở trong kinh tế và chính trị” cũng có nghĩa là chính trị và kinh tế phải có tính văn hoá.

Trong kháng chiến chống Pháp, quan điểm “Văn hoá cũng là một mặt trận”; “Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến” mà Người đưa ra đã tạo nên một phong trào văn hoá, văn nghệ sôi động, đem lại sức mạnh vượt trội cho nhân dân Việt Nam đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ.

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hoá

Sự khác nhau giữa nền văn hóa mới Việt Nam và nền văn hóa cũ trước hết ở tính chất cơ bản của nó. Nền văn hóa cũ mang tính chất *nô dịch, ngu dân* đã được Hồ Chí Minh phân tích, tố cáo, lên án trong nhiều bài viết, nhất là trong “Bản án chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương”.

Mặc dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau, song, nền văn hoá mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn bao hàm 3 tính chất: *tính dân tộc, tính khoa học, tính đại chúng*

- *Tính dân tộc* của nền văn hoá được Hồ Chí Minh diễn đạt bằng nhiều khái niệm như: đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc.

+ Đó chính là cái tinh túy, là chiều sâu bản sắc đặc trưng riêng của văn hoá dân tộc.

+ Tính dân tộc không chỉ thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn phát triển những truyền thống văn hoá tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

- *Tính khoa học* của nền văn hoá thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hoá của thời đại. Đó là: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Người nói: “Nay nước ta đã được độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hóa hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của nhân dân”.

Phải kiên quyết đấu tranh chống những gì trái với khoa học, phản tiến bộ. Những người làm văn hoá phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến, phải có chiến lược xây dựng văn hoá mang tầm thời đại.

- *Tính đại chúng* của nền văn hoá thể hiện ở chỗ nền văn hoá ấy phải phục vụ nhân dân, phù hợp nguyện vọng của nhân dân và do nhân dân xây dựng nên, đậm đà tính nhân văn.

Hồ Chí Minh nói: “Văn hoá phục vụ ai? Cố nhiên, chúng ta phải nói phục vụ công nông binh, tức là phục vụ đại đa số nhân dân”; “Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa...”¹.

Tại Hội nghị những người tích cực làm công tác văn hóa quần chúng (2/1960), Người khẳng định: “Văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng”.

Tính đại chúng của văn hóa đòi hỏi các nhà hoạt động văn hóa phải tăng cường liên hệ với thực tế, đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, vừa để phản ánh tâm tư, nguyện

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr 249-250

vọng và cuộc sống của nhân dân, vừa để đem ánh sáng văn hóa đến với mọi người, mọi nhà.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tháng 8-1943, cùng với việc đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung.

Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường.

Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân.

Xây dựng chính trị: dân quyền.

Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Khi cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng từ năm 1943 trong Đề cương văn hóa Việt Nam về phương châm xây dựng nền văn hóa mới. Đó là một nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ nhân dân miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan niệm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*

+ Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người

cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹.

+ Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là công việc vẻ vang nhưng cũng rất khó khăn, nặng nề, “sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”². Người cách mạng muốn cho dân tin, dân yêu thì phải có tư cách đạo đức đã.

+ Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Người luôn cảnh giác với nguy cơ thoái hoá biến chất của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

+ Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là *đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Người luôn đặt đức - tài trong mối quan hệ gắn bó mật thiết. Đức là gốc nhưng đức và tài, hồng và chuyên phải kết hợp, năng lực và phẩm chất phải đi đôi, không thể có mặt này, thiếu mặt kia.*

Người phân tích: Người nào có đức mà không có tài thì cũng chẳng khác gì ông bụt ngồi trong chùa, không làm hại ai, nhưng cũng chẳng có ích gì. Ngược lại, nếu có tài mà không có đức thì cũng chẳng khác gì một anh làm kinh doanh giỏi, đem lại nhiều lãi, nhưng lãng phí, tham ô, ăn cắp của công, thì như vậy chỉ có hại cho dân, cho nước, còn sự nghiệp của bản thân thì sớm muộn cũng đổ vỡ. Người thực sự có đức thì bao giờ cũng cố gắng học tập, nâng cao trình độ, nâng cao năng lực, tài năng để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

“Có tài mà không có đức là người vô dụng

Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó”

“Có trí tuệ mà không có đạo lý, phải coi như con cọp có thêm lưỡi gươm” -

Marden

“Có đạo đức mà không có tài năng như áo giáp không gươm, chỉ có thể bảo vệ được mình mà không che chở cho bạn bè được”- Colton.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.252-253

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.283

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của CNXH

+ Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của CNXH chưa phải là ở lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do giải phóng, mà trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản luôn sống và chiến đấu cho lý tưởng đó của loài người thành hiện thực.

+ Bác nói: “Đối với phương Đông một tấm gương sống còn có giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền”. Và cuộc đời của Người chính là một tấm gương đạo đức sáng ngời, chẳng những có sức hấp dẫn lớn lao, mạnh mẽ với nhân dân Việt Nam mà còn cả với nhân dân thế giới. Tấm gương của Người trở thành nguồn cổ vũ, động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân ta và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- *Trung với nước, hiếu với dân*

Trong mỗi quan hệ đạo đức thì mỗi quan hệ giữa mỗi người với đất nước, với nhân dân, với dân tộc là mỗi quan hệ lớn nhất. Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất, bao trùm nhất.

+ *Trung, hiếu* là những khái niệm đã có trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, song có nội dung hạn hẹp, phản ánh bổn phận của dân đối với vua, con đối với cha mẹ: “*Trung với vua, hiếu với cha mẹ*”.

+ Hồ Chí Minh đã mượn khái niệm cũ và đưa vào nội dung mới: “*Trung với nước, hiếu với dân*”, tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức.

Trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước; là suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Trung với nước phải gắn liền *hiếu với dân*. Vì nước là nước của dân, còn nhân dân là chủ của đất nước. Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. *Hiếu với dân* thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, gắn bó với dân, kính trọng và học tập nhân dân, lấy dân làm gốc, phục vụ nhân dân hết lòng.

Đối với cán bộ lãnh đạo, Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững *dân tình*, hiểu rõ *dân tâm*, thường xuyên quan tâm cải thiện *dân sinh*, nâng cao *dân trí*.

- *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*

Đây là những phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của con người. Hồ Chí Minh cũng dùng những phạm trù đạo đức cũ, lọc bỏ những nội dung lạc hậu, đưa vào những nội dung mới đáp ứng nhu cầu cách mạng.

+ **Cần** là lao động cần cù, siêng năng, lao động có kế hoạch, sáng tạo năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm.

+ **Kiệm** là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của nhân dân, của đất nước, của bản thân mình. Tiết kiệm từ cái nhỏ đến cái to; “Không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”¹, nhưng không phải là bủn xỉn. Kiệm trong tư tưởng của Người còn đồng nghĩa với năng suất lao động cao.

+ **Liêm** là “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân; không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân”. Phải trong sạch, *không tham lam* địa vị, tiền của, danh tiếng, sung sướng.

Không tâng bốc mình. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Hành vi trái với chữ liêm là:... cậy quyền thế mà đục khoét, ăn của dân, hoặc trộm của công làm của riêng. Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là trộm vị. Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm là tham ụy lạo. Cụ Không nói: người mà không liêm, không bằng súc vật. Cụ Mạnh nói: ai cũng tham lợi thì nước sẽ nguy.

+ **Chính** là không tà, thẳng thắn, đứng đắn đối với mình, với người, với việc.

Đối với mình, không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn kiểm điểm mình để phát huy điều hay, sửa đổi điều dở.

Đối với người, không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, không dối trá, lừa lọc.

Đối với việc, để việc công lên trên việc tư, làm việc gì cho đến nơi, đến chốn,

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.636

không ngại khó, ngại hiểm, cố gắng làm việc tốt cho dân cho nước.

Theo Hồ Chí Minh, *Cần, kiệm, liêm, chính* là “tứ đức” không thể thiếu được của con người. Người viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”.

Bác cũng nhấn mạnh: *Cần, kiệm, liêm, chính* càng cần thiết đối với người cán bộ, đảng viên. Nếu đảng viên mắc sai lầm thì sẽ ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, nhiệm vụ của cách mạng. *Cần, kiệm, liêm, chính* còn là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, sự văn minh của dân tộc. “Nó” là cái cần thiết để “làm việc, làm người, làm cán bộ, để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”.

+ **Chí công vô tư** là ham làm những việc ích quốc, lợi dân, không ham địa vị, không màng công danh, vinh hoa phú quý; “phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ (tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc).

Thực hành *chí công vô tư* là nêu cao chủ nghĩa tập thể, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân chỉ biết đến mình, muốn “mọi người vì mình”. Nó là giặc nội xâm, còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm.

Hồ Chí Minh viết: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Người cũng phân biệt lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân.

Chí công vô tư là tính tốt có thể gồm 5 điều: *nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm*. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư* là để người cách mạng vững vàng qua mọi thử thách : “Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa*

+ Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp truyền thống nhân nghĩa với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thế kỷ, qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tình yêu thương con người là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

+ Tình yêu thương con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh có phạm vi rất rộng lớn, đó là tình thương bao la dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức, bóc lột không chỉ ở Việt Nam mà còn trên khắp thế giới.

+ Yêu thương con người là nghiêm khắc với mình, độ lượng với người khác; phải có tình nhân ái với cả những ai có sai lầm, đã nhận rõ và cố gắng sửa chữa, đánh thức những gì tốt đẹp trong mỗi con người. Người nói “*cần làm cho phần tốt trong con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi*”. Bác căn dặn, Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình chân thành, thẳng thắn, không “dĩ hoà vi quý”, không hạ thấp con người, càng không phải vùi dập con người.

- *Tinh thần quốc tế trong sáng, thuỷ chung*

+ Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Nó được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân.

+ Nội dung của chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc; chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, chủ nghĩa bành trướng, bá quyền.

Người khẳng định: “Bốn phương vô sản đều là anh em”; giúp bạn là tự giúp mình; thắng lợi của mình cũng là thắng lợi của nhân dân thế giới.

Người đã góp phần to lớn, tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, kiến tạo một nền văn hoá hoà bình cho nhân loại.

c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- *Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức*

+ *Nói đi đôi với làm* được Hồ Chí Minh coi là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng một nền đạo đức mới.

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân và có tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều, làm ít, nói mà không làm, hơn nữa, nói một đằng, làm một nẻo thì chỉ đem lại hiệu quả phản tác dụng mà thôi. Nói mà không làm gọi là đạo đức giả.

+ *Nêu gương về đạo đức* là một nét đẹp trong truyền thống phương Đông. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹. Nói đi đôi với làm phải gắn với nêu gương về đạo đức.

Hồ Chí Minh cho rằng, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng đạo làm gương. “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”². *Phải luôn chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình người tốt, việc tốt trong mọi lĩnh vực của đời sống.*

Nêu gương về đạo đức phải diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi. Trong gia đình, đó là tấm gương của bố mẹ đối với con cái, của anh chị đối với các em, của ông bà đối với con cháu; trong nhà trường, đó là tấm gương của thầy cô giáo đối với học sinh; trong tổ chức, tập thể là tấm gương của người lãnh đạo, của cấp trên đối với cấp dưới; trong xã hội là tấm gương của người này đối với người kia, của thế hệ trước đối với thế hệ sau, ...

Tấm gương đạo đức của Hồ Chủ tịch là tấm gương chung cho cả dân tộc, cho các thế hệ người Việt Nam mãi mãi về sau.

- *Xây đi đôi với chống*

+ Xây dựng đạo đức mới là phải giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới cho con người Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh, từ gia đình, nhà trường, đến xã hội. Phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người. Bên

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.263

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 12, tr.558

cạnh đó, phải không ngừng chống lại những cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức. Xây đi đôi với chống, muốn chống phải xây, chống nhằm mục đích xây.

+ Để xây và chống có kết quả phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, phải kiên quyết loại trừ chủ nghĩa cá nhân.

- *Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời*

+ Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở sự tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người.

+ Theo Hồ Chí Minh, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào mình, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy, thấy cái xấu, cái dở để mà quyết tâm khắc phục, không tự lừa dối, huyênh hoặc.

+ Đối với mỗi người, việc tu dưỡng đạo đức phải thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi quan hệ xã hội, phải chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày. Phải làm kiên trì, bền bỉ, suốt đời. Bởi vì: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

- Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực, trí lực và các hoạt động đa dạng của nó luôn vươn tới Chân-Thiện-Mỹ.

- Hồ Chí Minh cũng xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện - ác, hay - dở, tốt và xấu, hiền và dữ,...bao gồm cả mặt xã hội và mặt sinh vật. Tuy nhiên, “dù là tốt hay xấu, văn minh hay dã man đều có tình”.

b. Con người cụ thể, lịch sử

Ngoài việc xem xét con người theo nghĩa rộng (“phẩm giá con người”, “giải phóng con người”, “người ta”, “con người”, “ai”,...), phần lớn Người xem xét con người trong

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.293

các mối quan hệ cụ thể: quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp; theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp; trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và trong quan hệ quốc tế.

Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh là con người lịch sử - cụ thể: Những năm 20 của thế kỷ XX, đó là con người bán xứ, nô lệ, bị áp bức, vô sản; sau cách mạng tháng Tám, người thường viết nhân dân, dân, đồng bào, quần chúng nhân dân; trong xây dựng CNXH, đó là những người lao động chân tay, lao động trí óc, công nhân, nông dân, người chủ,...

c. Bản chất con người mang tính xã hội

- Hồ Chí Minh đưa ra một định nghĩa độc đáo về con người: “*Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người*”.

- Người luôn đặt con người, mỗi cá nhân con người trong mối quan hệ ba chiều: quan hệ với một cộng đồng nhất định, trong đó mỗi người là một thành viên; quan hệ với một chế độ xã hội nhất định, trong đó con người được làm chủ hay bị áp bức, bóc lột; quan hệ với tự nhiên, mà con người là một bộ phận không tách rời, nhưng lại luôn luôn “người hoá” tự nhiên trong những cộng đồng xã hội nhất định và bị quy định bởi một chế độ xã hội nhất định.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trông người”

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- *Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng.*

+ Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị, cả vật chất và tinh thần, và mọi của cải. Người khẳng định: “Vô luận việc gì, đều do con người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”.

+ Không chỉ thấy rõ vai trò của con người, Hồ Chí Minh còn nhìn thấy sức mạnh của con người khi được tổ chức lại. Người viết: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” và “Đã mấy lần không dân cũng chịu/ Khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng: “Lòng yêu nước và sự

đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi”¹.

- *Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người*

+ Hồ Chí Minh khẳng định, mục tiêu của cách mạng là giải phóng con người, mang lại tự do, hạnh phúc cho con người. Suốt cuộc đời mình, Người đã luôn đấu tranh vì mục tiêu đó. Người nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Trong Di chúc, Người cũng dành mối quan tâm “đầu tiên là công việc đối với con người”.

+ Trong khi khẳng định, mục tiêu của cách mạng, Hồ Chí Minh cũng đồng thời nhấn mạnh sự nghiệp giải phóng là do chính bản thân con người thực hiện. Nghĩa là con người là động lực của cách mạng. Điều này thể hiện niềm tin mãnh liệt của Hồ Chí Minh vào sức mạnh của nhân dân.

Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào, song trước hết là ở giai cấp công nhân và nông dân. Công nông là gốc cách mạng.

Tuy nhiên, không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là những con người được giác ngộ và tổ chức. Họ phải có trí tuệ, bản lĩnh chính trị, đạo đức, văn hoá... và được lãnh đạo, dẫn đường. Vì vậy, phải tăng cường giáo dục nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cách mạng.

+ Giữa con người - mục tiêu và con người - động lực có mối quan hệ biện chứng với nhau. Càng chăm lo cho con người - mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ tạo thành con người - động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường sức mạnh của con người - động lực sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu cách mạng.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

- *“Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng.*

Xuất phát từ quan niệm coi con người là vốn quý nhất, là yếu tố quyết định đối

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.281

với sự thành bại của cách mạng, là mục tiêu và động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh hết sức coi trọng chiến lược con người.

Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, nhằm phát huy cao nhất mọi tiềm năng của con người.

Chiến lược “trồng người” vừa mang tính thường xuyên, cấp bách, vừa mang tính cơ bản lâu dài, phải làm công phu, tỉ mỉ như người làm vườn vậy.

- “*Muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa*”

+ CNXH sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, những con người xã hội chủ nghĩa lại là chủ thể của toàn bộ sự nghiệp xây dựng CNXH.

+ Không phải chờ cho kinh tế, văn hoá phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, cũng không phải xây dựng xong con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng con người phải đặt ra từ đầu và quan tâm suốt quá trình.

+ “Trước hết, cần có những con người xã hội chủ nghĩa”, có nghĩa là không phải tất cả mọi người phải và có thể trở thành người xã hội chủ nghĩa thật đầy đủ, thật hoàn chỉnh ngay một lúc, mà chỉ có nghĩa là, trước hết cần có những con người tiên tiến, có được những nét tiêu biểu của người xã hội chủ nghĩa để có thể làm gương và lôi cuốn người khác cũng như toàn xã hội xây dựng con người mới; đồng thời, họ cũng không ngừng được hoàn thiện, được nâng cao.

+ Xây dựng con người mới là đào tạo, xây dựng con người phát triển toàn diện: Đức, Trí, Thể, Mỹ.

+ Tiêu chuẩn của con người xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh:

Có tư tưởng xã hội chủ nghĩa: có ý thức làm chủ, có tinh thần tập thể, có tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết chí vươn lên, có tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

Có đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa: trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có tinh thần quốc tế trong sáng, lối sống lành mạnh.

Có tác phong xã hội chủ nghĩa: làm việc có kế hoạch, biện pháp, có quyết tâm, tổ chức, kỷ luật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, lao động hăng say, không sợ khó, sợ khổ, làm việc vì lợi ích của xã hội, tập thể và của bản thân.

Có năng lực làm chủ: làm chủ bản thân, gia đình và công việc mình đảm nhiệm, đủ sức khoẻ và tư cách tham gia làm chủ nhà nước và xã hội, thực hiện tốt quyền công dân; không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ để làm chủ.

Ngoài những tiêu chuẩn chung trên, Hồ Chí Minh còn nêu những tiêu chuẩn cụ thể cho từng giới, từng ngành.

- *Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội.*

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, phát triển quan điểm của Quản Trọng: “Thập niên chi kế mạc nhi thụ mộc, bách niên chi kế mạc nhi thụ nhân” mà khẳng định: “Vi lợi ích mười năm phải trồng cây/ Vi lợi ích trăm năm phải trồng người”.

+ “Trồng người”, xây dựng con người mới phải được thường xuyên đẩy mạnh trong suốt tiến trình đi lên CNXH và phải đạt được kết quả cụ thể qua từng chặng đường của thời kỳ quá độ. Bởi vì, nếu sao nhãng việc trồng người, nhất định sẽ dẫn đến những bất cập, hơn nữa còn là những suy thoái về con người có thể gây những hậu quả khôn lường. R.Tagore nói: “một ngày mà quên giáo hoá, ta lùi gần về thú tính hơn”.

+ “Trồng người”, xây dựng con người mới phải được đặt ra trong suốt cuộc đời mỗi người. Đây là quyền lợi, cũng là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người với sự nghiệp xây dựng đất nước. Đồng thời nó cũng thể hiện sự trưởng thành, vươn lên của mỗi cá nhân.

+ Những người có trách nhiệm trồng người cũng phải được vun trồng bởi quần chúng nhân dân, bởi tập thể những người đi trồng và được trồng, bởi cuộc sống thực tiễn và sự tự vun trồng trong suốt cuộc đời của chính họ.

- *Những biện pháp để xây dựng con người mới*

Để thực hiện chiến lược “trồng người” có nhiều biện pháp, nhưng theo Chủ tịch

Hồ Chí Minh, giáo dục đào tạo là quan trọng nhất. Người nói:

“Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền.
Hiền, dữ đâu phải là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên”.

“Óc của trẻ trong sạch như tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy, sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên”.

Người cho rằng, để “trồng người” có hiệu quả, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

+ Trước hết, *mọi người phải tự tu dưỡng, rèn luyện*. Tu dưỡng hàng ngày, bền bỉ suốt đời, gắn với thực tiễn cách mạng. Trong khi xây dựng những đức tính tốt, phải có bản lĩnh chống lại mọi thói hư tật xấu như lối sống bàng quan, vị kỉ cá nhân, thiếu tinh thần trách nhiệm, chống tham nhũng, xa hoa, lãng phí,...

+ *Phải dựa vào sức mạnh tổ chức của cả hệ thống chính trị*. Đó là vai trò của chi bộ Đảng, của các tổ chức chính trị - xã hội như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội thanh niên, sinh viên Việt Nam,...

+ *Thông qua các phong trào cách mạng* như phong trào “Thi đua yêu nước”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, phong trào “người tốt việc tốt”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, xoá đói giảm nghèo, xây dựng gia đình văn hoá, làng, xã, phường văn hoá,...

N3: Nội dung sinh viên có thể biết

- Tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”
- Tác phẩm “Đường cách mệnh”
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

d) Củng cố, tổng kết:

SV đọc và học kỹ những nội dung sau:

- + Quan điểm của HCM về văn hóa.
- + Quan điểm của HCM về đạo đức.
- + Quan điểm của HCM về con người mới.

+ Kỹ năng vận dụng những tư tưởng của Người vào thực tế cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay.

f) Giao bài tập: Ôn tập lại các vấn đề

3 tiết thảo luận

Đề tài thảo luận

1. Từ những nhận thức và hiểu biết của bạn về tư tưởng văn hóa, đạo đức, xây dựng con người mới của Hồ Chí Minh, hãy làm rõ danh hiệu "Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và là Danh nhân văn hóa thế giới"?

2. Những chuẩn mực đạo đức mới của người Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh? Vận dụng những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới của Người vào việc rèn luyện đạo đức của bản thân?

3. Những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hóa? Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay? Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng con người Việt Nam mới hiện nay?

Bộ môn

Người biên soạn

Trịnh Thị Kim Thoa

